

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 11 năm 2019

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình,

Chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuật, bà Đặng Thị Minh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/11/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Thế H, sinh năm 1990.

2. *Bị đơn:* Chị Phùng Thị C, sinh năm: 1994.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phùng Thị T, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Xóm 5, thôn P, xã P, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Anh H, chị C và bà T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hoàng Thế H trình bày: Anh và chị C lấy nhau năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Ba Vì. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống tại xóm 5, thôn P, xã P, huyện Ba Vì. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị C không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình vì chị C không biết kính trên, nhường dưới, anh có khuyên bảo nhiều lần nhưng chị C không nghe, anh và chị C đã sống ly thân nhau được 06 tháng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Phùng Thị C. Việc chị C khai anh và chị C có tài sản chung là ngôi nhà 02 tầng tại xóm 2, thôn P, xã P là hoàn toàn không đúng. Ngôi nhà trên là do bà Phùng Thị T mẹ đẻ anh bỏ tiền xây dựng cho em trai anh là Hoàng Cao C. Sau khi ngôi nhà hoàn thành, bà T cho vợ chồng anh chị xuống đó ở tạm. Do vậy anh khẳng định, giữa anh và Chị C không có tài sản chung.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hoàng Quỳnh C1, sinh ngày 17/01/2014 và Hoàng Văn V, sinh ngày 31/8/2015. Khi ly hôn, anh nhận nuôi hai con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Phùng Thị C trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn, quá trình sống chung đúng như anh H trình bày. Chị và anh H sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không tin tưởng, hiểu nhầm chị không chung thủy dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhau 06 tháng. Nay anh H làm đơn xin ly hôn, chị vẫn mong muốn đoàn tụ, nếu anh H cương quyết ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày. Khi chị và anh H ly hôn, chị đồng ý để hai con cho anh H nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Chị C khai, chị và anh H có tài sản chung là 01 ngôi nhà 02 tầng tại xóm 2, thôn P, xã P. Người đứng ra xây dựng ngôi nhà là do Phùng Thị T, nguồn tiền xây nhà là do anh H đi làm được gửi bà T để làm nhà, ngoài ra anh Hoàng Cao C là em trai anh H có đưa số tiền 100.000.000 đồng để làm nhà. Chị C đề nghị Tòa án Chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Chị C cũng xác nhận không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2019, bà Phùng Thị T khai như sau: Bà có quan hệ với anh Hoàng Thế H là mẹ đẻ, nên chị Phùng Thị C là con dâu của bà. Năm 2005 bà cùng chồng là ông Hoàng Văn Hải mua diện tích đất 150m² tại xóm 2 thôn P, xã P của ông Hoàng Đức Bắc. Đất hiện nay vẫn đứng tên ông Hoàng Đức Bắc. Đến ngày 04/01/2018 âm lịch tức ngày 19/02/2018 dương lịch bà xây 01 ngôi

nhà 02 tầng, diện tích mỗi tầng khoảng 90m² trên diện tích đất 150m². Toàn bộ tiền để xây dựng ngôi nhà trên là do bà bỏ ra làm. Mục đích bà xây dựng ngôi nhà này là để cho con trai thứ hai là Hoàng Cao C cùng vợ là Nguyễn Thị Sinh ở. Nhưng vì cuộc sống chung giữa anh H, Chị C không hạnh phúc, hay cãi nhau nên ngày 02/6/2018 âm lịch tức ngày 14/7/2018 dương lịch bà tạm thời cho anh H, Chị C xuống đó ở tạm. Nay anh H, Chị C ly hôn, Chị C cho rằng nguồn tiền để xây dựng ngôi nhà kể trên là do anh H đi làm được về gửi bà, nay đem ra để làm nhà là không đúng, tiền xây nhà là tiền của bà, việc thuê thợ xây, tiền mua vật liệu xây dựng ... là do bà bỏ ra.

** Ngày 29/10/2019, Hội đồng định giá huyện Ba Vì, định giá ngôi nhà 02 tầng tại xóm 2, thôn P, xã P thấy rằng:*

1. Nhà 02 tầng, nhà chưa sơn, tầng một cửa gỗ, tầng hai cửa nhôm, nền lát gạch hoa, nhà khung chịu lực xây dựng năm 2018, tổng diện tích 166m² có giá như sau: 166m² x 5.971.000đồng/m² x 86% = 852.419.960 đồng.

2. 02 trụ cổng, 02 cánh cổng xây dựng và lắp đặt năm 2018 có giá = 4.000.000 đồng.

3. Tường bao xây gạch chỉ, tường 10cm, bỏ trụ, xây năm 2018 có giá trị như sau: 16,57m² x 676.000đồng/m² x 93% = 10.417.227 đồng.

4. Sân lát gạch đỏ, xây dựng năm 2018, diện tích 31m² có giá trị như sau: 31m² x 281.000đồng/m² x 93% = 8.090.776 đồng.

5. Mái tôn đỏ, xây dựng năm 2018 có giá trị như sau: 16,66m² x 443.000đồng/m² x 93% = 6.863.735 đồng.

Tổng giá trị toàn bộ số tài sản trên là 881.798.000 đồng.

** Tại phiên tòa sau khi trình bày và tranh luận, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Thế H và chị Phùng Thị C.

- Về con chung: Giao hai cháu Hoàng Quỳnh C1, sinh ngày 17/01/2014 và Hoàng Văn V, sinh ngày 31/8/2015 cho anh H nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với Chị C đến khi có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung: Xác định ngôi nhà 02 tầng, công trình kèm theo có tổng giá trị là 881.798.000 đồng tại xóm 2, thôn P, xã P, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội có công sức của bà T, anh H, Chị C nên mỗi người được hưởng 881.798.000 đồng : 3 = 293.932.000 đồng (Hai trăm chín ba triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn đồng). Tiếp tục giao cho bà T, anh H quản lý sử dụng ngôi nhà và các công trình kèm theo. Bà T, anh H phải thanh toán cho Chị C số tiền là 293.932.000 đồng (Hai trăm chín ba triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn đồng).

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Thế H và chị Phùng Thị C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2019 cắt đứt mọi quan hệ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Thế H và chị Phùng Thị C.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Thế H và chị Phùng Thị C có hai con chung là Hoàng Quỳnh C1, sinh ngày 17/01/2014 và Hoàng Văn V, sinh ngày 31/8/2015. Anh H xin nhận nuôi cả hai cháu, không yêu cầu Chị C cấp dưỡng, Chị C đồng ý. Việc thỏa thuận nuôi con giữa hai anh chị là tự nguyện nên áp dụng các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai cháu Hoàng Quỳnh C1 và Hoàng Văn V cho anh H nuôi dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Chị C đến khi có yêu cầu khác, Chị C được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn C.

[3] Về tài sản chung: Chị C cho rằng vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng công trình phụ kèm theo làm tại đất của nhà anh H, anh H Bà T không thừa nhận. Tòa án đã yêu cầu các đương sự chứng minh, và tiến hành đối chất nhưng Chị C không chứng minh được.

Thực tế anh H, Chị C lấy nhau năm 2011 vợ chồng về sống chung tại gia đình anh H, năm 2018 gia đình có làm 01 ngôi nhà 02 tầng và công trình phụ kèm theo đã được định giá 881.798.000 đồng. Anh H thu nhập 4,500.000 đồng/tháng, Chị C thu nhập 3.000.000 đồng/tháng, tổng cộng hai anh chị thu nhập 7.500.000 đồng/tháng. Với mức thu nhập trên vừa C1 tiêu cuộc sống gia đình, C1 tiêu con học hành nên không thể tích cóp nhiều để làm nhà, anh H, Chị C chỉ có thể đóng góp cùng bà T xây dựng ngôi nhà. Do vậy xác định ngôi nhà trên chủ yếu là của bà Phùng Thị T tích cóp từ trước làm, không phải tài sản chung giữa anh H và Chị C. Khi bà T làm nhà, Chị C có tham gia phụ vữa, C1 tiền mua thức ăn khoảng 20.000.000 đồng, nấu cơm nuôi thợ nên phải tính đến công sức đóng góp của cho Chị C. Anh H không yêu cầu xem xét công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xét.

Như vậy, giao cho bà Phùng Thị T được quyền quản lý, sử dụng một ngôi nhà 02 tầng, nhà chưa sơn, tầng một cửa gỗ, tầng hai cửa nhôm, nền lát gạch hoa, nhà khung chịu lực và các công trình phụ kèm theo gồm 02 trụ cổng, 02 cánh cổng; Tường bao xây gạch chỉ, tường 10cm, bỏ trụ; Sân lát gạch đỏ; Mái tôn đỏ trên diện tích đất 150m² tại xóm 2, thôn P, xã P, huyện Ba Vì. Bà Phùng Thị T phải có trách nhiệm trích trả cho chị Phùng Thị C 70.000.000 đồng, tiền công sức đóng góp.

[4] Về nợ chung: Không có nên không xét.

[5] Về án phí: Anh Hoàng Thế H phải chịu án phí ly hôn, chị Phùng Thị C phải chịu án phí đối với phần tài sản được Chia $70.000.000 \times 5\% = 3.500.000$ đồng.

Về chi phí tố tụng: Chị C và bà T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ Chi phí định giá tài sản. Chị C đã C1 1.800.000 đồng tiền định giá tài sản nên bà T phải thanh toán cho Chị C 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điều 24, 25, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Thế H và chị Phùng Thị C.

2. Về con chung: Giao hai cháu Hoàng Quỳnh C1, sinh ngày 17/01/2014 và Hoàng Văn V, sinh ngày 31/8/2015 cho anh Hoàng Thế H nuôi dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với Chị C đến khi có yêu cầu khác, Chị C được quyền qua lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn C.

3. Về tài sản chung: Giao cho bà Phùng Thị T được quyền quản lý, sử dụng một ngôi nhà 02 tầng, nhà chưa sơn, tầng một cửa gỗ, tầng hai cửa nhôm, nền lát gạch hoa, nhà khung chịu lực và các công trình phụ kèm theo gồm: 02 trụ cổng, 02 cánh cổng; Tường bao xây gạch chỉ, tường 10cm, bô trụ; Sân lát gạch đỏ; Mái tôn đỏ trên diện tích đất 150m² tại xóm 2, thôn P, xã P, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Buộc bà Phùng Thị T phải có trách nhiệm trích trả cho chị Phùng Thị C 70.000.000 đồng, tiền công sức đóng góp.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Anh Hoàng Thế H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 10/6/2019 theo biên lai số AG/2010/0009356.

- Chị Phùng Thị C phải chịu 3.500.000 đồng án phí đối với phần tài sản được Chia được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 08/8/2019 theo biên lai số AG/2010/0009507. Hoàn trả Chị C số tiền tạm ứng án phí còn lại là 10.250.000 đồng.

- Bà Phùng Thị T phải thanh toán cho Chị C 900.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản.

5. Quyền kháng cáo: Anh Hoàng Thế H, chị Phùng Thị C và bà Phùng Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã P.
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trọng Đức